

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13-01-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Thành Trung;

Ông Nông Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Ngọc Hưng, Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Bá U, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà *, khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A Việt Nam; địa chỉ: Số *, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh T - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng A); địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Tô Thị H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị H kết hôn với ông Phạm Bá U vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, cưỡng ép bắt buộc và được cưới hỏi theo nghi lễ cổ truyền. Đến khoảng tháng 6 năm 1998, ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018, 2019 thì xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân là ông Phạm Bá U không tu chí làm ăn, thường xuyên bài bạc, trai gái; bà Tô Thị H có khuyên nhủ nhưng ông Phạm Bá U không thay đổi nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà Tô Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Bá U.

Về giấy đăng ký kết hôn, bà Tô Thị H đã cung cấp cho Tòa án nhưng không còn nhìn rõ thông tin vì quá trình lưu giữ đã bị hư hỏng; bà Tô Thị H đã liên hệ với Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để xin cung cấp thông tin nhưng hiện nay không còn lưu trữ. Từ khi đăng ký kết hôn, vợ chồng cũng chưa bao giờ đem đăng ký kết hôn để sử dụng vào nội dung công việc gì nên không thể cung cấp được cho Tòa án thông tin việc đăng ký kết hôn, do đó yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phạm Bá U theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Bà Tô Thị H và ông Phạm Bá U có 03 người con chung; con lớn Phạm Trí D, sinh ngày 30/10/1998 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết); con thứ hai Phạm Thị Phương A, sinh ngày 17/11/2007 và con thứ ba Phạm Thị Quỳnh A1, sinh ngày 17/11/2007. Khi ly hôn bà Tô Thị H yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung Phạm Thị Phương A và Phạm Thị Quỳnh A1 đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu ông Phạm Bá U phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/hai cháu/tháng (hai triệu đồng trên hai cháu một tháng).

- Về tài sản chung: Có khoản vay chung tại Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Khi ly hôn bà Tô Thị H tự nguyện trả số tiền vay nợ nêu trên theo hợp đồng tín dụng số: A/2022/HĐ-TD ngày 13/4/2022 và không yêu cầu ông Phạm Bá U có trách nhiệm số tiền vay Ngân hàng. Ngoài ra các tài sản khác là vật dụng trong gia đình, ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Bá U trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Việc ông Phạm Bá U và bà Tô Thị H tìm hiểu nhau đi đến kết hôn và đăng ký kết hôn như bà Tô Thị H trình bày là đúng. Ông xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nên ông đồng ý ly hôn với bà Tô Thị H. Ông không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn cho Tòa án, nguyên nhân như bà Tô Thị H trình bày.

- Về con chung và tài sản chung: Ông đồng ý với phần trình bày và yêu cầu của bà Tô Thị H và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Ý kiến của người đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam: Bà Tô Thị H đứng tên vay Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền

70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số: A/2022/HĐ-TD ngày 13/4/2022 nhưng chưa đến hạn thanh toán, bà Tô Thị H nhận trách nhiệm trả ngân hàng theo hợp đồng, Ngân hàng nhất trí.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Cứ khoản 1 Điều 14; các điều 15, 16, 53, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội đề nghị.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Tô Thị H và ông Phạm Bá U là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà Tô Thị H và ông Phạm Bá U về người trực tiếp nuôi con và thời điểm cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Bà Tô Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Phạm Thị Phương A, sinh ngày 17/11/2007 và Phạm Thị Quỳnh A1, sinh ngày 17/11/2007; ông Phạm Bá U phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/hai cháu/tháng (hai triệu đồng hai cháu trên một tháng), thời điểm cấp dưỡng theo thỏa thuận các đương sự từ ngày 01/12/2022 đến khi các cháu đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc bà Tô Thị H có trách nhiệm trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số: A/2022/HĐ-TD ngày 13/4/2022.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm đơn khởi kiện, thẻ căn cước công dân, giấy khai sinh con chung, hợp đồng vay vốn và giấy kết hôn không rõ thông tin; bị đơn không cung cấp gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp bản, hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn, quyết định ủy quyền tham gia tố tụng.

Tài liệu do Tòa án thu thập được là biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thỏa thuận được các nội dung vụ án về con chung và tài sản chung, tuy nhiên do bà Huệ và ông Ước không chứng minh được việc đăng ký kết hôn hợp pháp nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng A Việt Nam vắng mặt nhưng người đại diện hợp pháp đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Tô Thị H khởi kiện ly hôn trong trường hợp xác định không có đăng ký kết hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung; bị đơn ông Phạm Bá U có hộ khẩu thường trú tại Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, do vậy Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết vụ án và xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1, 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của bà Tô Thị H và ông Phạm Bá U có thời gian tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo nghi lễ cổ truyền vào năm 1998. Khi kết hôn hai vợ chồng đã đi đăng ký kết hôn theo quy định nhưng giấy đăng ký kết hôn không xác định được thông tin. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhưng không còn lưu trữ nên không có cơ sở để xác định bà Tô Thị H và ông Phạm Bá U có đăng ký kết hôn. Do đó Hội đồng xét xử kết luận cuộc hôn nhân này không được pháp luật công nhận. Mặt khác cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai bên đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử cần không công nhận họ là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[4] Về con chung: Cháu Phạm Trí D, sinh ngày 30/10/1998 (đã trưởng thành, Tòa án không xem xét giải quyết); các cháu Phạm Thị Phương A và Phạm Thị Quỳnh A1 đang ở cùng bà Tô Thị H, từ khi ly thân đến nay vẫn sinh sống cùng bà Huệ; ông Phạm Bá U đi làm xa nhà không có điều kiện chăm sóc con cái và nhất trí để các cháu ở cùng bà H; hơn nữa các cháu Phạm Thị Phương A và Phạm Thị Quỳnh A1 có nguyện vọng ở cùng bà Tô Thị H; về cấp dưỡng nuôi con bà H và ông U thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con là ông U có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ/hai cháu/tháng (hai triệu đồng hai cháu trên một tháng). Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về tài sản chung: Hai vợ chồng tạo dựng là nhà ở và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản vay ngân hàng chính sách xã hội theo hợp đồng tín dụng số: A/2022/HĐ-TD ngày 13/4/2022; giữa bà H, ông U và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A thỏa thuận bà Tô Thị H có trách nhiệm thanh toán khoản vay cho Ngân hàng theo hợp đồng vay vốn. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Tô Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; ông Phạm Bá U phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 71, 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; các Điều 266, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2 Điều 53; các Điều 60 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm c khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tô Thị H và ông Phạm Bá U.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà Tô Thị H và ông Phạm Bá U về việc bà Tô Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Phạm Thị Phương A, sinh ngày 17/11/2007 và Phạm Thị Quỳnh A1, sinh ngày 17/11/2007, thời điểm nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp đến khi các cháu đến khi đủ 18 tuổi. Ông Phạm Bá U phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/hai cháu/tháng (hai triệu đồng hai cháu trên một tháng), thời điểm cấp dưỡng theo thỏa thuận các đương sự từ ngày 01/12/2022 đến khi các cháu đến khi đủ 18 tuổi. Ông Phạm Bá U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chị Tô Thị H có trách nhiệm trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số: A/2022/HĐ-TD ngày 13/4/2022.

4. Về án phí: Bà Tô Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận bà Tô Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003208 ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Phạm Bá U phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng;
- UBND thị trấn Đ, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trương Thị Hương Giang